

UDC 929.9 (597)

TIÊU - CHUẨN QUỐC - GIA
Vietnamese National Standard
VNS-001-1969

QUỐC-KỶ VIỆT-NAM
THE NATIONAL FLAG OF VIETNAM

VIỆN ĐỊNH CHUẨN
VIETNAM INSTITUTE FOR STANDARDIZATION

TIÊU-CHUẨN QUỐC-GIA
Vietnamese National Standard

VNS-001-1969
UDC 929.9 (597)

QUỐC-KỶ VIỆT-NAM
THE NATIONAL FLAG OF VIETNAM

Ngày ban hành : 09-4-1969
Date of publication : 9 April 1969

VIỆN ĐỊNH-CHUẨN
VIETNAM INSTITUTE FOR STANDARDIZATION
30 GIA LONG street — SAIGON 1

Vietnamese National Standard
THE NATIONAL FLAG OF VIET NAM

The National Flag of Vietnam Committee :

Chairman :	Representing :
Mr. PHÍ-MINH-TÂM	Vietnam Institute for Standardization
Members :	
Mr. NGUYỄN-VĂN-ĐỘT	Directorate of Protocol, Prime Minister's Office
Mr. VÕ-DIỄN	Directorate of Protocol, Ministry of Foreign Affairs
Mr. QUÁCH-VĂN-ĐỒNG	Central Logistics Agency
Major ĐÌNH-VĂN-LAI	Technical Inspection Center Ministry of Defense
Mr. PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG	Handicraft Development Center
Mr. ĐỖ-ĐÌNH-KHÂM	Saigon Chamber of Commerce and Industry
Mr. PHẠM-NGỌC-HỒ	Vietnam Confederation of Manufacturers.

Secretary :
Mrs. TRẦN-THỊ-VI
VIS Technician

Tiêu - Chuẩn Quốc - Gia
QUỐC-KỶ VIỆT-NAM

Tiêu Ban cứu xét tiêu-chuẩn Quốc-Kỳ Việt-Nam

Chủ tọa :	Đại diện :
Ông PHÍ-MINH-TÂM	Viện Định Chuẩn
Hội viên :	
Ông NGUYỄN-VĂN-ĐỘT	Nha Nghi Lễ Phủ Thủ Tướng
Ông VÕ-DIỄN	Nha Nghi Lễ Bộ Ngoại Giao
Ông QUÁCH-VĂN-ĐỒNG	Cơ quan Tiếp Vận Trung Ương
Th/Tá ĐÌNH-VĂN-LAI	Trung Tâm Khảo Sát Kỹ Thuật Quân Nhu, Bộ Quốc Phòng
Ông PHẠM-ĐÌNH-TRỌNG	Trung Tâm Khuếch-Trương Tiêu Công Nghệ
Ông ĐỖ-ĐÌNH-KHÂM	Phòng Thương Mãi và Công-Kỹ Nghệ Saigon
Ông PHẠM-NGỌC-HỒ	Tổng Đoàn Công - Kỹ - Nghệ Việt-Nam.

Thư ký :
Bà TRẦN-THỊ-VI
Chuyên-viên Viện Định-Chuẩn

THE NATIONAL FLAG OF VIETNAM

FOREWORD

The national flag symbolizing the nation must be a uniform product, made of appropriate materials, carefully assembled and having specified dimensions and fast colors.

Article 3 of Order No. 5 of 14 June 1948 published in the Official Journal of the Republic of Vietnam on 18 June 1948 prescribed the national flag as follows :

« The national symbol is a yellow field flag with its width equal to two thirds of its length, with three red stripes running lengthwise across the yellow field, and with each stripe equal to one fifteenth of the width and separated from the other by the same distance ».

The Order specified only the design of the national flag. This standard shall supply additional details on the materials, dimensions and construction with the objective of providing the consumer, manufacturer and supply agency with technical information for a fresh and long lasting product symbolizing our national spirit and strength.

QUỐC-KỶ VIỆT-NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Quốc-kỷ tượng trưng cho quốc-gia phải là một sản-phẩm đồng nhất, đúng kích thước ấn-định, vải cơ đặc-tính thích hợp, màu sắc không phai hoặc loang ố và được chế-tạo cẩn thận.

Điều 3 Sắc-lệnh số 5 ngày 14-6-1948 đăng trong Công-Báo Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 18-6-1948 có ấn-định quốc-kỷ Việt-Nam như sau :

« Biểu hiệu quốc-gia là một lá cờ nền vàng, chiều dọc bằng hai phần ba chiều dài, giữa có ba sọc đỏ đi suốt lá cờ theo chiều dài, mỗi sọc rộng bằng một phần mười lăm của chiều dọc lá cờ và cách nhau cũng bằng chừng ấy ».

Sắc-lệnh chỉ ấn định hình dạng tổng quát của quốc-kỷ. Tiêu-chuẩn này nhằm mục-đích cung cấp thêm các chi-liết về nguyên liệu, kích thước, đặc-tính cấu-tạo để giúp người xir-dụng hãnh diện treo một quốc-kỷ biểu-dương đúng tinh thần dân-tộc và uy thế quốc gia, cũng cấp thêm tài-liệu kỹ-thuật cho các cơ-quan tiếp-liệu và giúp nhà sản xuất có thể chế tạo được một sản phẩm tươi thắm bền bỉ.

1. SCOPE.

This standard prescribes the design, dimensions, details of construction, and other characteristics of the National Flag of Vietnam made of textile materials.

Size	Type	Width	Length	Stripe	Hem	Heading	Diameter of pole
		A	B	C	D	E	F
1	cordage	5000	7500	333	15	80	—
2	cordage	2750	4000	183	15	80	—
3	cordage	2000	3000	133	15	80	—
4	cordage or pole	1800	2700	120	15	60	35
5	cordage or pole	1400	2100	93	15	60	35
6	cordage or pole	1000	1500	66	10	50	30
7	cordage or pole	800	1200	53	10	50	30
8	pole	600	900	40	10	35	20
9	pole	400	600	20,6	10	35	20
10	pole	200	300	13	10	25	15

Tolerance : $\pm 1.5\%$ for all dimensions
All dimensions are in millimeters

Table 1.— Dimensions of Flags

1. PHẠM-VI

Tiêu-chuẩn này ấn-dịnh hình-dáng, kích-thước, chi-tiết cấu tạo và các đặc điểm khác của quốc-kỳ Việt-Nam làm bằng hàng vải.

Cỡ	Loại	Bề rộng	Bề dài	Bề rộng sọc đỏ	Bề rộng lai	Bề rộng đầu	Đường kính cột cờ
		A	B	C	D	E	F
1	rút	5000	7500	333	15	80	—
2	rút	2750	4000	183	15	80	—
3	rút	2000	3000	133	15	80	—
4	rút hoặc trồng	1800	2700	120	15	60	35
5	rút hoặc trồng	1400	2100	93	15	60	35
6	rút hoặc trồng	1000	1500	66	10	50	30
7	rút hoặc trồng	800	1200	53	10	50	30
8	trồng	600	900	40	10	35	20
9	trồng	400	600	20,6	10	35	20
10	trồng	200	300	13	10	25	15

Độ dung sai : $\pm 1,5\%$ cho mọi kích thước
Tất cả các trị số kích thước đều bằng mm

Bảng 1. Kích Thước Quốc Kỳ

2. DESIGN

The National Flag of Vietnam shall be rectangular in shape and the ratio of the width to the length shall be 2 : 3. The field shall be yellow with three red stripes arranged symmetrically from the center line and running lengthwise across the field. Each red stripe shall equal one fifteenth ($1/15$) of the width and shall be separated from the other by one fifteenth ($1/15$) of the width.

3. TYPES, SIZES AND DIMENSIONS

The National Flag of Vietnam shall consist of 2 types and 10 sizes.

The cordage type includes size 1 to size 7

The pole type includes size 4 to size 10

The dimensions for each size shall conform to the requirements of Table 1, read together with Fig.1.

4. MATERIALS

4.1 General Requirements — Materials used for the manufacture of flags shall have no defects affecting the appearance and other characteristics of the flag.

4.2 Colors — The colors of materials and sewing threads shall be fresh and homogeneous and shall be resistant to light, washing and crocking in testing conditions. The red of red stripes and the yellow of yellow field shall be specified.

2. HÌNH DÁNG

Quốc-kỳ Việt-Nam hình chữ-nhật, bề rộng bằng $2/3$ bề dài, nền vàng có ba sọc đỏ nằm cân đối ngay giữa và đi suốt bề dài. Mỗi sọc đỏ rộng bằng $1/15$ bề rộng và cách nhau cũng bằng $1/15$ bề rộng.

3. CỜ, LOẠI VÀ KÍCH THƯỚC

Quốc-kỳ Việt-Nam gồm 10 cỡ và thuộc hai loại rút dây và trồng vào cột. Loại rút dây gồm các cỡ từ 1 đến 7 và loại trồng vào cột gồm các cỡ từ 4 đến 10. Kích thước các cỡ được ấn-định trong bảng 1 đọc chung với hình 1.

4. NGUYÊN-LIỆU.

4.1 Tổng Quát — Nguyên-liệu dùng chế-tạo quốc-kỳ phải không có những tí-vết có ảnh hưởng đến hình dáng và đặc-tính của quốc-kỳ.

4.2 Màu Sắc — Màu sắc của vải và chỉ phải tươi thắm và đồng nhất, phải không phai vì ánh sáng và phải không phai hoặc loang ó vì giặt giũ trong những điều-kiện trắc-nghiệm. Màu đỏ của ba sọc đỏ và màu vàng của mình cờ sẽ được xác-định sau.

4.3 Flag Panel — The flag panel consisting of the yellow field and the three red stripes shall be made plain materials. The materials shall conform to the requirements of Table 2.

Materials	Weight g/m ² (min.)		Number per cm (min.)		Tensile strength kg/cm (min.)		
			Ends	Picks	Warp	Weft	
Cotton or Rayon Acetate	Sizes 1 to 5	200	18	14	12	9	
	Sizes 6 to 10	130	yellow 50	red 76	24	7	4
Silk or synthetic fibers	64		50	40	12	9	

Table 2.— Requirements of Materials for Flag Panel

4.4 Heading — The heading shall be made from the same material used for panel and shall be of the same yellow color. The materials for headings shall conform to the requirements of Table 3.

Materials	Weight g/m ² (min.)		Number per cm (min.)		Tensile strength kg/cm (min.)	
			Ends	Picks	warp	Weft
Cotton or Rayon Acetate	Sizes 1 to 5	300	22	20	12	12
	Sizes 6 to 10	200	18	14	12	9
Silk or synthetic fibers	64		50	40	12	9

Table 3.— Requirements of Materials for Heading

4.3 Minh Cờ — Minh cờ gồm nền vàng và ba sọc đỏ phải được may bằng nguyên-liệu thích hợp, minh trơn. Đặc-tính nguyên-liệu phải phù hợp với Bảng 2.

Nguyên Liệu	Trọng lượng (g/m ²) tối thiểu		Số sợi trong 1 cm tối thiểu		Sức chịu kéo (kg/cm) tối thiểu		
			Dọc	Ngang	Dọc	Ngang	
Vải, Tơ Bông (rayon, acetat)	Từ cỡ 1-5	200	18	14	12	9	
	Từ cỡ 6-10	130	vàng 50	đỏ 76	24	7	4
Tơ-tằm, sợi- hóa-hợp	64		50	40	12	9	

Bảng 2. Đặc-Tính Nguyên-liệu May Minh Cờ

4.4 Đầu Cờ — Đầu cờ phải cùng nguyên-liệu và màu vàng của minh cờ và có những đặc-tính phù hợp với Bảng 3.

Nguyên-liệu	Trọng lượng (g/m ²) tối thiểu		Số sợi trong 1 cm tối thiểu		Sức chịu kéo (kg/cm) tối thiểu	
			Dọc	Ngang	Dọc	Ngang
Vải, Tơ-bông (rayon, acetat)	Từ cỡ 1-5	300	22	20	12	12
	Từ cỡ 6-10	200	18	14	12	9
Tơ-tằm, sợi hóa-hợp	64		50	40	12	9

Bảng 3. Đặc-Tính Nguyên-Liệu May Đầu Cờ

4.5 Sewing Threads

4.5.1. Sewing threads used for flag panels shall be of the same color as that of the supporting material. The tensile strength of the threads shall not be less than 2.5 kg when the grips are 50 cm apart and the speed of pulling is 30 cm/min

4.5.2. Sewing threads used for headings shall be of the same yellow color and shall have the tensile strength of not less than 6 kg when the grips are 50 cm apart and the speed of 30 cm/min

4.6. Cordage — The cordages used for cordage type flags shall be braided from 3 smaller strands and shall conform to the requirements of Table 4.

Cordage Size (Circumference) mm	Number of Strands in cordage	Minimum Tensile Strength (Jaw grips 100 cm apart) kg
20	3	150
25	3	300
30	3	450
35	3	600

Table 4. — Requirements of Cordage

5. CONSTRUCTION

5.1 Stitching. — All machine stitching shall be straight and uniform. The number of stitches shall not be less than 4 per centimeter.

5.2 Edge. — Flags size 1 to size 5 shall have edges of 10 mm. The number of ends per centimeter in the edges shall be twice the number of ends in the panel. Flags size 6 to size 10 shall not require edges.

4.5 Chi.

4.5.1 Chi May Minh Cờ — Chi phải cùng màu với vải nằm dưới chỉ (đỏ hoặc vàng). Sức chịu kéo của chỉ tối thiểu phải là 2,5 kg, với ngàm bắm cách khoảng 50 cm và tốc độ kéo 30 cm/phút.

4.5.2 Chi May Đầu Cờ — Chỉ cùng màu vàng với đầu cờ và phải có sức chịu kéo tối thiểu 6 kg, với ngàm bắm cách khoảng 50 cm và tốc độ kéo 30 cm/phút.

4.6 Dây Cờ. — Dây luồn vào đầu cờ loại rút dây phải được bện từ 3 lọn nhỏ và phải có những đặc-tính ấn định trong Bảng 4.

Cỡ dây (Chu-vi) mm	Số lọn	Sức chịu kéo tối thiểu (Ngàm bắm cách nhau 100 cm) kg
20	3	150
25	3	300
30	3	450
35	3	600

Bảng 4. Đặc-Tính Dây Cờ

5. ĐẶC TÍNH CẤU TẠO.

5.1 Đường May. — Các đường may phải ngay thẳng và đều đặn. Đường may phải có ít nhất là 4 mũi trong 1 phân.

5.2 Biên — Quốc kỳ cỡ 1 đến cỡ 5 phải có biên rộng 10 mm. Số sợi dọc của biên phải bằng hai lần số sợi dọc của mình cờ. Quốc kỳ cỡ 6 đến cỡ 10 không cần có biên.

5.3 Hem.— The tail of the flag shall be folded and stitched as shown in Fig.1. The depth of the hem shall be in accordance with the requirements of Table 1.

5.4 Heading — A heading shall be stitched on the two sides of the flag panel along that end of the flag where the raw edge has not been stitched as shown in Fig.1. The heading shall be stitched to the flag panel in the following manner: the first stitching shall attach the raw edge of the panel to one edge of the heading; the next two stitchings shall be 10 mm apart for flags size 1 to size 5 and 5 mm apart for flags size 6 to size 10. The width of the heading shall be in accordance with the requirements of Table 1.

A cordage shall be inserted all along the heading of the cordage type flag. When coming out of the heading, the two free ends of the cordage shall be plied 180° into loops and then reinserted in the heading. The height K of the loops outside the heading and the length L of the two free ends of the cordage reinserted in the heading shall be in accordance with the requirements of Table 5, read together with Fig. 1.

The free ends of the cordage reinserted in the heading shall be placed along the cordage and shall be hand-stitched to the cordage and heading along the length L. In addition the cordage shall be hand stitched in the middle of the heading for a length M of not less than 40 mm.

5.3 Lai — Đuôi cờ phải được bẻ xếp và may thành lai như trong hình 1. Bề rộng của lai được ấn định như trong Bảng 1.

5.4 Đầu Cờ — Đầu cờ được may kẹp hai bên mình cờ như trong hình 1. Cách thức may như sau: đường thứ nhất may dính mình cờ với 1 mép của đầu cờ; hai đường may sau cách nhau 10 mm cho cỡ từ 1—5 và 5 mm cho cỡ từ 6—10. Bề rộng của đầu cờ được ấn định trong Bảng 1.

Một dây cờ được luồn dọc suốt đầu cờ loại rút dây. Khi ra khỏi đầu cờ, 2 đầu tự do của dây được bẻ quặp 180° thành khoen và 2 đầu dây lại được luồn trở lại trong đầu cờ. Bề cao K của khoen dây ngoài đầu cờ và bề dài L của đầu dây luồn lại trong đầu cờ được ấn định trong Bảng 5, đọc chung với hình 1.

Đầu dây luồn lại trong đầu cờ được đặt song song với thân dây và được may dính vào thân dây và đầu cờ suốt bề dài L. Ngoài ra dây cờ còn phải được ^{may} dính vào đầu ^{cờ} một đoạn M tối thiểu 40 mm ngay giữa bề rộng.

Flag size	Cordage size (Circumference mm)	Height of loops	Length	Length
		K mm	L mm	M mm
1 2	35	45 min.	150 min.	40 min.
3	30			
4 5	25			
6 7	20			

Table 5.— Constructional Details : Heading and Cordage.

5.5 Flag Panel.— The yellow field and the red stripes shall be attached by stitching as shown in Fig.1. The depth of the lapped seams shall not exceed 5 mm.

5.6 Reinforcement Patches.— Flags size 1 to size 6 shall be reinforced at the four corners by four pieces of material of the same construction and color as is used for the field. The reinforcement patches shall be rectangular in shape and the equal sides of the right angle shall not be less than the width of the red stripes. The patches shall be placed on the back side of the flag. At the two corners near the heading, the edges of the patches shall be placed under the heading as shown in Fig.1.

6. SAMPLING

Samples shall be selected at random from the lot of flags of the same type and size. The number of flags to be taken shall be in accordance with Table 6.

Cờ cờ	Cờ dây Chu-vi mm	Bề cao khoen dây	Bề dài đầu dây	Đoạn may dây cờ vào đầu cờ
		K mm	L mm	M mm
1 2	35	45 tối thiểu	150 tối thiểu	40 tối thiểu
3	30			
4 5	25			
6 7	20			

Bảng 5. Đặc-Tính Cấu-Tạo : Đầu Cờ và Dây Cờ

5.5 Minh Cờ — Nền vàng và các sọc đỏ được may ráp vào nhau như trong hình 1. Mi ráp nối không được rộng quá 5mm.

5.6 Miếng Tăng Cường. — Quốc-kỳ từ cờ 1 đến gồm cờ 6 phải được tăng cường ở 4 góc bằng 4 miếng vải hàng cùng màu và cùng loại với nền cờ. Các miếng tăng cường hình tam giác vuông góc cân, có cạnh góc vuông tối thiểu bằng bề rộng của sọc đỏ, được gắn phía mặt trái của lá cờ. Ở hai góc phía đầu cờ, bia của miếng tăng cường phải nằm dưới đầu cờ như trong hình 1.

6. LẤY MẪU

Mẫu được lấy ngẫu nhiên trong lô cờ cùng loại và cùng cỡ. Số mẫu phải lấy được ấn định trong Bảng 6.

Number of flags in the lot	Number of flags to be selected
20 or less	2
21 to 50	3
51 to 100	4
over 100	One additional sample shall be taken for each hundred or fraction of a hundred.

Table 6

7. TESTING

7.1 Inspection. — The samples shall be inspected in the design, dimensions, materials, constructional characteristics and marking as required in section, 2, 3, 4, 5 and 8.

7.2 Testing of Materials and Threads — Methods of determining yarn number tensile strength, color fastness of materials and threads shall be specified.

8. MARKING

Each flag shall be marked with a label attached to the heading. The label shall have the following readable information in Vietnamese :

- a) Flag Size
- b) Manufacturer's name, trade mark or symbol
- c) Other information agreed with the buyer.

Số cờ trong lô	Số mẫu phải lấy
20 hay ít hơn	2
21 — 50	3
51 — 100	4
Trên 100	Lấy thêm 1 mẫu cho mỗi trăm hay phần của trăm sau đó.

Bảng 6

7. TRÁC-NGHIỆM.

7.1 Quan-Sát. — Mẫu sẽ được quan sát về hình dáng, kích thước, nguyên-liệu, đặc-tính cấu tạo và nhãn hiệu như nêu ở các mục 2, 3, 4, 5 và 8.

7.2 Trác-Nghiệm Vải, Hàng và Chỉ. — Các phương-pháp đếm sợi, đo sức chịu kéo, đo độ phai màu của vải hàng và chỉ sẽ được ấn định sau.

8. NHÃN HIỆU.

Mỗi lá cờ phải có mang một nhãn hiệu may dính vào đầu cờ. Nhãn hiệu phải có những biên chú bằng Việt-Ngữ đọc được rõ ràng sau đây :

- a) Cờ
- b) Tên hoặc ký hiệu hoặc biểu hiệu của nhà sản xuất
- c) Những chi-tiết khác đã thỏa thuận với người đặt mua.

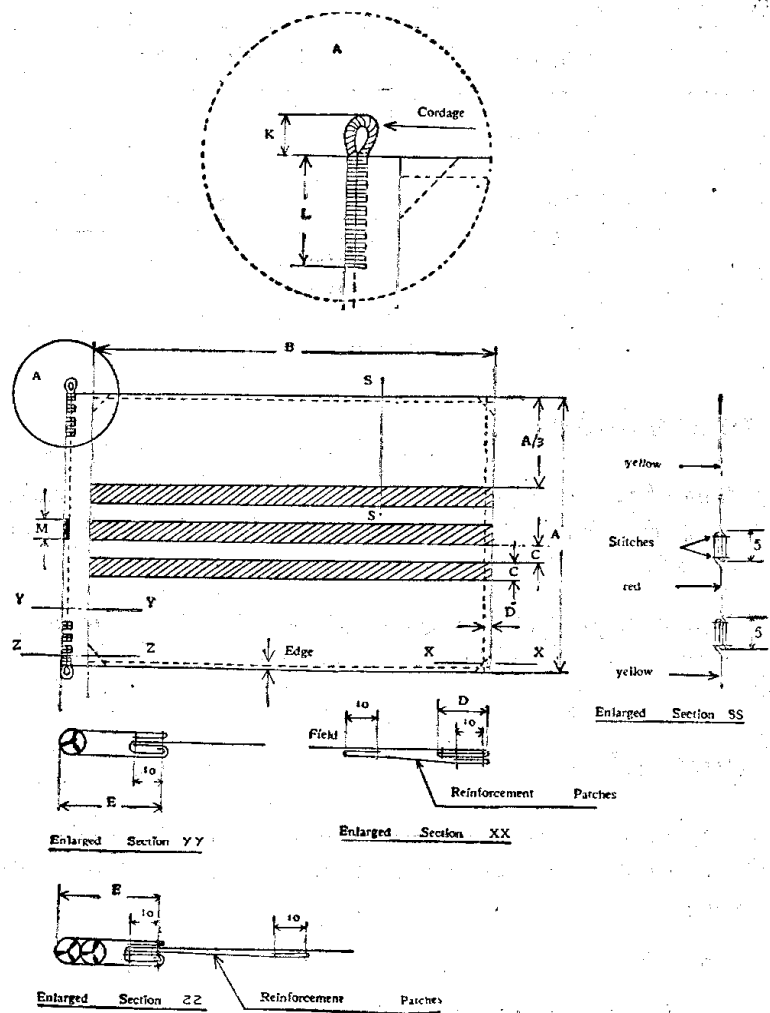
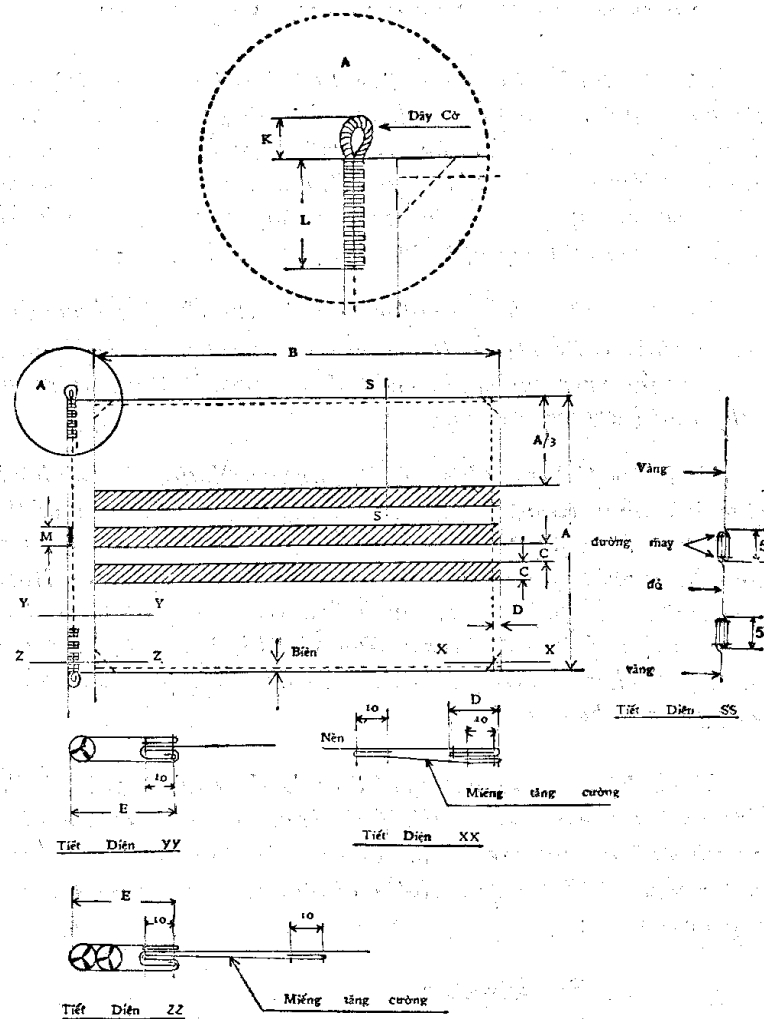


Fig 1. CONSTRUCTIONAL DETAILS OF THE NATIONAL FLAG
(All dimensions are in millimeters)



Hình 1. CHI-TIẾT CẤU TẠO QUỐC-KỶ
(Tất cả kích thước bằng mm)